

# KHOÁNG NHÂN TẠO

sản phẩm - ứng dụng



**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH (TME)**

Khoáng nhân tạo do TME tạo ra dưới dạng bột, được chọn lọc và tổng hợp từ các loại khoáng chất có trong tự nhiên dưới dạng rắn, có thể hòa tan trong nước ở nhiệt độ 30-40<sup>0</sup>C với tốc độ chậm.

Khoáng nhân tạo có thể thay thế cho khoáng tại các mỏ thiên nhiên, cho ra đời các sản phẩm phục vụ cho việc trị liệu, chữa bệnh và tăng cường sức khỏe. Khoáng nhân tạo tiện dụng và thiết thực cho việc kinh doanh và sử dụng, tránh việc phụ thuộc vào nguồn khai thác khoáng từ thiên nhiên

## tổng quan





# công dụng của các loại khoáng vi lượng

Các chất điện giải và nguyên tố vi lượng được cung cấp hàng ngày cho cơ thể qua thức ăn và nước uống. Tuy nhiên, có thể xảy ra tình trạng cơ thể thiếu chất điện giải và các khoáng vi lượng. Hoặc có thể nguồn cung cấp khoáng hàng ngày đủ, nhưng nhu cầu cơ thể tăng do lao động, chơi thể thao, bệnh tật, thời tiết khí hậu,...gây ra thiếu chất điện giải hoặc các yếu tố vi lượng, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và gia tăng bệnh tật.

THỐNG KÊ KHOÁNG VI LƯỢNG VÀ CÔNG DỤNG			
TT	LOẠI ION	CÔNG DỤNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ	ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG
1	<b>K<sup>+</sup></b>	- Điều hòa - cân bằng nước và điện giải cho cơ thể, giúp duy trì hoạt động bình thường cho hệ tim mạch, cơ bắp, tiêu hóa, tiết niệu. - Cần thiết trong việc xây dựng hệ thống: cơ và xương. - Giúp ngăn ngừa nguy cơ mắc các bệnh huyết áp, tim mạch, sỏi thận, chuột rút....	Mọi đối tượng trên 05 tuổi Đặc biệt: - Trẻ em - Phụ nữ mang thai - Người làm việc văn phòng
2	<b>Na<sup>+</sup></b>	- Dẫn truyền tế bào thần kinh và cơ bắp - Ổn định huyết áp - Duy trì thẩm thấu dịch, kích thích dẫn truyền thần kinh, giúp cân bằng độ pH và bảo vệ cơ thể khỏi sự mất dịch. - Giúp điều hòa, giữ ổn định máu và chất lỏng trong cơ thể, hỗ trợ cơ thể hoạt động trơn tru và đúng cách.	Mọi đối tượng trên 05 tuổi
3	<b>Mg<sup>2+</sup></b>	- Điều hòa đường huyết, duy trì huyết áp, tổng hợp protein, phát triển cấu trúc xương. - Giảm nguy cơ ung thư. - Cải thiện tình trạng rối loạn lo âu và stress. - Giảm nguy cơ tiểu đường tuýp 2. - Giảm nguy cơ đột tử do tim. - Giảm nguy cơ loãng xương. - Cải thiện trí nhớ ở người cao tuổi.	Mọi đối tượng trên 05 tuổi Đặc biệt: - Người già - Người bệnh tiểu đường, huyết áp cao - Người làm việc văn phòng
4	<b>Ca<sup>2+</sup></b>	Canxi là một khoáng chất giữ vai trò quan trọng trong cơ thể con người, là thành phần cơ bản cấu tạo nên xương và răng. Canxi kết hợp với phospho, làm cho xương và răng chắc khỏe. Cần cho quá trình hoạt động của thần kinh cơ, hoạt động của tim, chuyển hoá của tế bào và quá trình đông máu.	Mọi đối tượng
5	<b>Zn<sup>2+</sup></b>	- Giúp phát triển cơ thể: tạo tế bào máu, tái cấu trúc tim, tạo tế bào mô, duy trì tế bào gốc, phát triển hệ xương và cơ trơn, tái tạo các tế bào thần kinh võng mạc, điều tiết lượng đường máu. - Đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của thai nhi - Cần thiết cho sự phát triển của não bộ, võng trung tâm bộ nhớ của não. - Vai trò quan trọng đối với chức năng sinh sản nam và nữ. - Vai trò quan trọng với hệ miễn dịch, giúp cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh, tăng cường đề kháng và chống nhiễm trùng. - Giúp điều hòa vị giác và cảm giác ngon miệng.	Mọi đối tượng
6	<b>HCO<sub>3</sub><sup>-</sup></b>	Giúp kiềm hóa cơ thể để phòng chống ung thư và các bệnh theo mùa	Mọi đối tượng
7	<b>SO<sub>4</sub><sup>2-</sup></b>	Là thành phần chính của sụn khớp. - Giảm triệu chứng thoái hóa của khớp gối. - Tác dụng nhuận tràng, kích cơ ruột co bóp; trị chứng táo bón, khó tiêu....	Mọi đối tượng
8	<b>Cl<sup>-</sup></b>	- Clo là một khoáng chất cần thiết cho cơ thể, là chất điện phân giúp cơ thể giữ nước, tránh tình trạng mất môi, kiệt sức do thiếu nước gây ra. - Là một chất điện giải quan trọng, chiếm 70% lượng ion âm trong cơ thể người. Clo giúp cơ thể giữ nước, hấp thụ kim loại và vitamin B12, ngăn ngừa bệnh đang trị.	Mọi đối tượng
9	<b>SiO<sub>3</sub><sup>2-</sup></b>	- Vai trò quan trọng trong việc hình thành xương, làm xương và răng chắc khỏe. - Duy trì hoạt động ổn định cho hệ thống động mạch, tĩnh mạch. - Kiềm hóa cơ thể giúp phòng chống ung thư và các bệnh theo mùa.	Mọi đối tượng

# thành phần vi lượng của khoáng nhân tạo

Dựa vào tiêu chuẩn về hàm lượng và loại khoáng chất có trong nước khoáng thiên nhiên dùng cho mục đích trị liệu, khoáng nhân tạo do chúng tôi chọn lọc và tổng hợp, với nguồn nguyên liệu là các khoáng chất sạch sử dụng trong ngành công nghệ thực phẩm, sẽ có bảng chỉ tiêu như sau:



STT	LOẠI KHOÁNG	THÀNH PHẦN KHÔ (%)	THÀNH PHẦN TRONG NƯỚC (mg/L)
1	$K^+$	4.9	55.8
2	$Na^+$	8.3	95.4
3	$Mg^{2+}$	2.5	28.6
4	$Ca^{2+}$	4.5	51.5
5	$Zn^{2+}$	6.0	68.3
6	$HCO_3^-$	16.7	191.1
7	$SO_4^{2-}$	10.0	114.4
8	$Cl^-$	22.1	252.9
9	$SiO_3^{2-}$	12.2	139.3
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>997.3</b>

# tính hợp lý của việc sử dụng khoáng nhân tạo



Việc ngâm tắm nước khoáng nóng là một liệu pháp tổng hợp giúp tăng cường sức khỏe, hỗ trợ chữa lành nhiều bệnh mãn tính, đặc biệt là các bệnh thuộc hệ cơ khớp, thần kinh, rối loạn tuần hoàn dinh dưỡng, hồi phục sức khỏe trong thời gian dưỡng bệnh, các bệnh phải nằm bất động lâu ngày...

Khoáng nhân tạo có thể thay thế rất tốt cho khoáng thiên nhiên, có thể chủ động hoàn toàn trong việc điều chỉnh hàm lượng vi khoáng, cũng như cho phép sự hiện diện của bất kỳ thành phần khoáng chất nào như mong muốn; không cần xây bể chứa nước khoáng dự trữ; kiểm soát việc đóng cấu cặn trong hệ thống ống dẫn và máy móc thiết bị của các hệ thống ngâm tắm khoáng nóng dễ dàng.

Mặc dù số lượng các mỏ khoáng thiên nhiên rất phong phú và đa dạng, nhưng số lượng không nhiều, và trữ lượng cũng có giới hạn. Bên cạnh đó, thành phần khoáng chất có trong nước khoáng thiên nhiên, ngoài các loại muối khoáng hòa tan có ích cho cơ thể, có tác dụng trị bệnh, thì vẫn tồn tại một số lớn các muối vô cơ không tốt cho sức khỏe, muối các kim loại nặng: chì, asen, thủy ngân,...



## lịch sử của việc ngâm tắm nước khoáng nóng



Nước khoáng nóng đã được người Hy Lạp, La Mã phát hiện và sử dụng từ hàng ngàn năm trước. Họ sử dụng nước khoáng nóng như một liệu pháp để xử lý các vấn đề về sức khỏe, thể chất lẫn tinh thần. Tại Nhật Bản, tắm Onsen với nguồn khoáng nóng là nét văn hóa lâu đời, và là biện pháp chăm sóc sức khỏe của người dân xứ sở Mặt Trời Mọc.

Tại Việt Nam, người ta biết đến việc ngâm tắm nước khoáng nóng từ năm 1900 nhờ người Pháp. 100 năm sau, phương thức này mới được nghiên cứu nghiêm túc và ứng dụng rộng rãi, để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ phù hợp với người dân tại Việt Nam.

## Khoáng nhân tạo cho hồ bơi

Do nước khoáng nhân tạo chứa nhiều thành phần khoáng vi lượng (anion và cation), nên nó có tác dụng khử khuẩn, chống rong rêu, và loại bỏ ấu trùng cho nước hồ bơi.

### Mang onsen về tận nhà

Bằng cách sử dụng khoáng nhân tạo, ta có thể ngâm tắm khoáng nóng ngay tại nhà theo phong cách onsen Nhật Bản mà không cần phải đi ra ngoài

Hóa chất khử trùng - xử lý hồ bơi sẽ được loại bỏ, thay vào đó là dùng khoáng nhân tạo



Khoáng nhân tạo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người dùng. Sử dụng để bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể, phục hồi chức năng cơ xương khớp, cải thiện và tái tạo làn da, cân bằng nội tiết tố, hệ thần kinh.

# MIBA

## nhận diện sản phẩm







CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ  
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0421/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

#### GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;  
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;  
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;  
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:  
**TCCS 03:2021/TME** áp dụng cho sản phẩm Khoáng tắm trị liệu MIBA (Mã số sản phẩm: TM-IM).
- Điều 2.** Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng tắm trị liệu MIBA do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.
- Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:  
- Lưu công ty.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HUYỀN LY

# MIBA

## KHOÁNG NHÂN TẠO NGÂM TẮM TRỊ LIỆU

Khoáng tắm trị liệu MIBA là một sản phẩm dưới dạng bột, được tổng hợp chọn lọc và chế biến từ các nguồn nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên.

MIBA không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MIBA thích hợp cho việc trị liệu và tăng cường sức khỏe, kiểm hóa cơ thể để chống chọi với bệnh tật.



### BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: 0121/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
Địa chỉ: 68 Hồ Xuân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0973 911 157  
Email: wa@wm-vd.com

#### CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 03:2021/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng tắm trị liệu

- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nylon hàn kín.
- Nhân hiệu hàng hóa: MIBA
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-IM


Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2021  
ĐẠI DIỆN CÔNG TY





GIÁM ĐỐC  
PHẠM THỊ HUYỀN LY

**KHÔNG  
TẮM LẠI  
SAU KHI  
NGÂM  
TẮM  
KHOÁNG  
MIBA**



**VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING**  
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code  
BN 23573-01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*TEST REPORT*

Ngày/ Date: 10/01/2022  
Trang/ Page: 01/02

**Tên mẫu / Name of Sample:** **Khoảng tẩm MIBA**

**Ký hiệu mẫu / Sample mark:**

**Số lượng mẫu / Quantity:** **01**

**Tình trạng mẫu / Sample description:** **Mẫu khoảng 2500 ml, được chứa trong can nhựa**

**Ngày nhận mẫu / Date of receiving:** **30/12/2021**


**Thời gian thử nghiệm / Testing period:** **30/12/2021 - 10/01/2022**

**Đơn vị gửi mẫu / Client:**

**Địa chỉ / Address:** **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRAN MINH  
68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**


**Kết quả thử nghiệm / Test results:** *Xem tiếp trang 02/02*

**TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2**  
*Head of Technical Division 2*



**LÊ TRỌNG NHÂN**

**ĐẠI DIỆN VIỆN**  
*On behalf of the Institute*



**PHU THƯƠNG TRINH**

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 - Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025

(\*\*) Kết quả được thử: bản in mà thôi (phụ) - Tested by Subcontract


(\*) Phương pháp thử được chỉ định - Test methods are assigned

(\*) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi - Test results are valid for the namely submitted sample (s) only

(\*) Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu - Name of sample and customer are written as customer's request



(\*) Không được trích sao một phần/phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming - This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành III, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



**VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING**  
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE

Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code  
BN 23573-01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*TEST REPORT*

Ngày/ Date: 10/01/2022  
Trang/ Page: 02/02

**Chi tiêu thử nghiệm / Test characteristic**

TT No.	Tên chi tiêu / Parameters	Đơn vị / Unit	Phương pháp thử / Test Method	Kết quả thử nghiệm / Test result
1.	Hàm lượng K <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6196-3:2000	<b>34,8</b>
2.	Hàm lượng Na <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6196-3:2000	<b>207</b>
3.	Hàm lượng Ca <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Ca B	<b>11,8</b>
4.	Hàm lượng Mg <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Mg B	<b>49,9</b>
5.	Hàm lượng Zn <sup>2+</sup> (+)	mg/L	TCVN 6193:1996	<b>1,99</b>
6.	Hàm lượng HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	<b>19,8</b>
7.	Hàm lượng CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	<b>0,61</b>
8.	Hàm lượng SO <sub>4</sub> <sup>2+</sup> (+)	mg/L	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E	<b>430</b>
9.	Hàm lượng Cl <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	<b>242</b>
10.	Hàm lượng SiO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B	<b>13,1</b>
11.	Hàm lượng Pb <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	<b>Không phát hiện (&lt;0,005)</b>
12.	Hàm lượng As <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6626:2000	<b>Không phát hiện (&lt;0,001)</b>
13.	Hàm lượng Hg <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 7877:2008	<b>Không phát hiện (&lt;0,0005)</b>
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	<b>Không đáng kể</b>

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 - Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025

(\*\*) Kết quả được thử: bản in mà thôi (phụ) - Tested by Subcontract

(\*) Phương pháp thử được chỉ định - Test methods are assigned

(\*) Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi - Test results are valid for the namely submitted sample (s) only

(\*) Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu - Name of sample and customer are written as customer's request

(\*) Không được trích sao một phần/phiên bản kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming - This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành III, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



**PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG NHÂN TẠO**  
**MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS**

**I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất**  
**Product and Company Identification**

**1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification**

Tên sản phẩm : Khoáng nhân tạo MIBA  
Product name : Artificial minerals MIBA  
Mã sản phẩm : TM-IM  
Product code : TM-IM  
Mục đích sử dụng : TM-IM (MIBA) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...  
Product use : TM-IM is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

**2. Thông tin công ty / Company information**

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh  
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)  
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City  
Website : www.wm-vd.com  
Email : wa@wm-vd.com  
Hotline : 0973 911 157

**II. Thông tin về thành phần các chất**  
**Ingredients**

Ký hiệu Symbol	THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% theo trọng lượng) Content (% by weight)
	Tên Name		
K <sup>+</sup>	Potassium	32.4-44.4%	
Na <sup>+</sup>	Sodium	17.3-24.4%	
Ca <sup>2+</sup>	Calcium	0.7-2.1%	
Mg <sup>2+</sup>	Magnesium	3.1-6.0%	
Zn <sup>2+</sup>	Zinc	0.1-2.3%	
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Bicarbonate	0.2-3.9%	
CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	Carbonate	0.03-2.3%	
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	Sulphate	30.1-52.5%	
Cl <sup>-</sup>	Chloride	10.7-33.9%	
SiO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	Metasilicate	0.7-3.3%	

Khoáng TM-IM (MIBA) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.  
TM-IM (MIBA) has opaque white color and slightly mineral smell.

**III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm**  
**Hazards Identification**

**1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning**

- Tránh xa tầm tay trẻ em  
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước  
Wash with water when contacting with mineral

**2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms**

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt  
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da  
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống  
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương  
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

**IV. Biện pháp sơ cứu**  
**First aid measures**

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.  
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.  
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.  
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.  
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.  
Protective clothing : No safety ware needed.

**V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**  
**Accidental release measures**

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt  
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại để trơn trượt  
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

<b>VI. Xử lý và bảo quản</b> <b>Handling and storage</b>
<p><b>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh tiếp xúc với mắt. Avoid contact with eyes.</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có lưu ý đặc biệt. No specific caution.</li> </ul>
<b>VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân</b> <b>Exposure Control/Personal Protection</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. Engineering Controls: No specific caution.</li> <li>Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. Personal Protection: No safety ware needed.</li> </ul>
<b>VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm</b> <b>Physical and Chemical Properties</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trạng thái: Bột Status: Powder</li> <li>Khối lượng riêng đồ đông: 1.4kg/l Specific bulking weight: 1.4kg/l</li> <li>pH: 8.0 - 8.5</li> </ul>
<b>IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng</b> <b>Stability and Reactivity</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Khả năng phản ứng: Không phản ứng. Reactivity: Not reaction</li> <li>Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</li> <li>Tính ổn định hóa học: Ổn định Chemical stability: Stable</li> </ul>
<b>X. Thông tin về độc tính</b> <b>Toxicological Information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Inhalation: No effect on respiratory.</li> <li>Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</li> <li>Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây xót mắt. Eye contact: Contact may cause redness and tearing.</li> <li>Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Uống có thể gây buồn nôn, nôn mửa. Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</li> </ul>

<b>XI. Thông tin về sinh thái</b> <b>Ecological information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</li> <li>Độc với tầng ozon: Không làm tổn hại đến tầng ozon. Its vapour is not harmful to ozone layer.</li> <li>Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết Other adverse effects: Unknown</li> </ul>
<b>XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ</b> <b>Disposal considerations</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</li> <li>Có thể thải vào hệ thống xử lý nước: thải hoặc thải bỏ thẳng ra công với số lượng ít. Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</li> </ul>
<b>XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển</b> <b>Transportation information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. Special Provisions for Transport: No specific requirement.</li> </ul>
<b>XIV. Thông tin khác</b> <b>Other information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 24/9/2022 Re-edited at: 24/9/2022</li> <li>Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học &amp; Kỹ thuật môi trường Trần Minh Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</li> </ul>

<b>BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM</b> <b>TECHNICAL DATA SHEET</b> <b>KHOÁNG NHÂN TẠO TM-IM (MIBA)</b>	BHSJ / Edition: 04/2021/TME Ngày ban hành / Valid: 20/4/2021
<p><b>1. Xuất xứ / Origin</b>                  Khoáng nhân tạo TM-IM (MIBA) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).                  Minerals TM-IM (MIBA) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</p>	
<p><b>2. Thành phần / Composition</b>                  Khoáng TM-IM (MIBA) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.                  Minerals TM-IM is produced from inorganic minerals.                  Khoáng bột TM-IM có mùi khoáng nhẹ, màu trắng đục.                  TM-IM has opaque white color and slightly mineral smell.</p>	
<p><b>3. Công năng / Performance</b>                  TM-IM dùng cho mục đích tắm thư giãn, trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.                  TM-IM is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance                  Khi sử dụng, đổ bột TM-IM vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (thước dùng tay khuấy tròn cho nhanh) rồi ngâm tắm.                  Spread TM-IM to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.</p> <p>Định lượng: Pha TM-IM vào nước theo tỷ lệ khối lượng [TM-IM:Muối] = 1:600-1:700.                  Dose for bathing: [TM-IM:Water] = 1:600-1:700.</p>	
<p><b>4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information</b>                  Bao bì / Packing: Bao nhựa 200g. Sgk / Plastic bag 200g. Sgk                  Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh &amp; dry place                  Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing</p>	
<p>Vui lòng xem thêm khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.                  Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.</p>	

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
ĐT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 03:2021/TME

TÊN SẢN PHẨM  
KHOÁNG TẮM TRỊ LIỆU

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM  
MIBA

MÃ SẢN PHẨM  
TM-IM

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2021



### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Khoáng tắm trị liệu do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.  
Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

### 2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierma-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;57:e160.
- [9] Rapolienė L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

### 3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

### 4. Yêu cầu kỹ thuật

#### 4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Bột đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Màu trắng, mùi đá khoáng nhẹ.

#### 4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1 túi MIBA (200g) vào 200L nước thủy cục, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K <sup>+</sup>	mg/L	20-70
2	Na <sup>+</sup>	mg/L	100-300
3	Ca <sup>2+</sup>	mg/L	5-70
4	Mg <sup>2+</sup>	mg/L	5-70
5	Zn <sup>2+</sup>	mg/L	0.5-10
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	10-30
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	0.2-10
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	100-700
9	Cl <sup>-</sup>	mg/L	100-500
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	3-30
11	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
12	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
13	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
14	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

#### 4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
2	Na <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
3	Ca <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn <sup>2+</sup>	TCVN 6193:1996
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	TCVN 6636-1:2000
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	TCVN 6636-1:2000
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E
9	Cl <sup>-</sup>	TCVN 6194:1996
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

#### 5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

##### 5.1. Bao gói

- Túi vải chứa khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nilon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, chảy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 200g hoặc 5kg.

#### 5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng tắm ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

#### 5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

#### 5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

#### 5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

#### 6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 800-1500 mg/L.





## MIBA dùng cho hồ bơi, bể onsen, jacuzzi

Dùng khoáng tắm  
MIBA hòa tan tự nhiên  
vào bồn, bể ngâm tắm:

- Định mức:

Tỷ lệ MIBA/NƯỚC =  
1,3 - 1,4/1.000

- Lọc tuần hoàn, tái sử  
dụng, không sử dụng  
chung với bất kỳ hóa  
chất hay mỹ phẩm nào  
khác.

- Tỷ lệ hao hụt:  
25-30% / tháng









**BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**  
Số: 0222/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0973 911 157  
Email: wa@wm-vd.com

**CÔNG BỐ:**

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 02:2022/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Bùn Khoáng tẩm trị liệu

- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng bột được chứa trong túi vải. Túi vải được bọc ngoài bằng túi nilon hàn kín.
- Nhân hiệu hàng hóa: MIMUD
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-MM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2022  
**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM THỊ HUYỀN LY**

# MIMUD

## BÙN KHOÁNG NGÂM TẮM TRỊ LIỆU

Bùn khoáng MIMUD là một sản phẩm được tổng hợp - chế biến từ bùn vô cơ và các nguyên tố khoáng có trong tự nhiên.

MIMUD không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

Ngoài việc bổ sung các khoáng vi lượng hữu ích cho cơ thể, MIMUD thích hợp cho việc hỗ trợ điều trị các bệnh ngoài da,...

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0222/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;  
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;  
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;  
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:

**TCCS 02:2022/TME** áp dụng cho sản phẩm Bùn Khoáng tẩm trị liệu MIMUD (Mã sản phẩm: TM-MM).

Điều 2. Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Bùn Khoáng tẩm trị liệu MIMUD do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Lưu công ty.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHẠM THỊ HUYỀN LY**



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING  
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code  
BN 24818-01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*TEST REPORT*

Ngày/ Date: 09/02/2022  
Trang/ Page: 01/02

Tên mẫu/ Name of Sample: Khoáng bùn TM-MM  
Ký hiệu mẫu/ Sample mark:  
Số lượng mẫu/ Quantity: 01  
Tình trạng mẫu/ Sample description: Mẫu khoáng 2,5 L, được chứa trong can nhựa.  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 22/01/2022  
Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 22/01/2022 - 09/02/2022  
Đơn vị gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
Địa chỉ/ Address: 68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng  
Kết quả thử nghiệm/ Test results: Xem tiếp trang 02/02

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2  
Head of Technical Division 2

LÊ TRỌNG NHÂN

ĐẠI DIỆN VIỆN  
On behalf of the Institute

LÊ THỊ MỘNG TRINH

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.  
(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thừa phụ / Tested by Subcontract.  
(\*) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned.  
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.  
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
- Không được trích sao một phần/ Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1A, KDC Quang Thanh JB, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6582929 Fax: 0236.3617519

BM.06/QT.08/PQ/03/01/2022

Lần sửa đổi: 00



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING  
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code  
BN 24818-01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*TEST REPORT*

Ngày/ Date: 09/02/2022  
Trang/ Page: 02/02

TT No.	Chi tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test Method	
1.	Hàm lượng K <sup>+</sup> (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	11,5
2.	Hàm lượng Na <sup>+</sup> (*)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	619
3.	Hàm lượng Ca <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3111 B	24,9
4.	Hàm lượng Mg <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3111 B	24,8
5.	Hàm lượng Zn <sup>2+</sup> (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,02)
6.	Hàm lượng HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	64,1
7.	Hàm lượng CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	0
8.	Hàm lượng SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (*)	mg/L	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E	787
9.	Hàm lượng Cl <sup>-</sup> (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	231
10.	Hàm lượng SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B	46,0
11.	Hàm lượng Pb <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
12.	Hàm lượng As <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
13.	Hàm lượng Hg <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể
15.	Hàm lượng TSS <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	47362

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025.  
(\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thừa phụ / Tested by Subcontract.  
(\*) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned.  
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi / Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.  
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
- Không được trích sao một phần/ Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1A, KDC Quang Thanh JB, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city Tel: 0236.6582929 Fax: 0236.3617519

BM.06/QT.08/PQ/03/01/2022

Lần sửa đổi: 00



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

**PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM BÙN KHOÁNG TẮM**  
**MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR BATHING MINERAL MUD**

**I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất**  
**Product and Company Identification**

**1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification**

Tên sản phẩm : Bùn Khoáng tắm MIMUD  
Product name : Bathing mineral mud MIMUD  
Mã sản phẩm : TM-MM  
Product code : TM-MM  
Mục đích sử dụng : TM-MM (MIMUD) dùng cho mục đích tắm thư giãn và trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của hệ cơ quan trong cơ thể...  
Product use : TM-MM is applied for relaxing and therapy bathing, anti-aging, body functions recovery, and organ system balance

**2. Thông tin công ty / Company information**

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh  
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)  
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City  
Website : www.wm-vd.com  
Email : wa@wm-vd.com  
Hotline : 0973 911 157

**II. Thông tin về thành phần các chất**  
**Ingredients**

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (% khối lượng) Content (% by weight)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K <sup>+</sup>	Potassium	15-22%
Na <sup>+</sup>	Sodium	8.0-11%
Ca <sup>2+</sup>	Calcium	0.3-1%
Mg <sup>2+</sup>	Magnesium	1-3%
Zn <sup>2+</sup>	Zinc	0.1-1.3%
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Bicarbonate	0.2-1%
CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	Carbonate	0.03-1%
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	Sulphate	13-24%
Cl <sup>-</sup>	Chloride	4-15%
SiO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	Metasilicate	0.5-1%
Bùn	Mud	55-65%

Bùn khoáng TM-MM (MIMUD) màu nâu nhạt, mùi bùn khoáng nhẹ.  
TM-MM (MIMUD) has light brown color and slightly earthy mineral smell.

Trang 1 / 5

**III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm**  
**Hazards Identification**

**1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning**

- Tránh xa tầm tay trẻ em  
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước  
Wash with water when contacting with mineral

**2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms**

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt  
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da  
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống  
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương  
Inhalation, central nervous system : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương  
: No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

**IV. Biện pháp sơ cứu**  
**First aid measures**

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xốn mắt.  
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.  
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.  
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.  
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.  
Protective clothing : No safety ware needed.

**V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**  
**Accidental release measures**

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt  
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại dễ trơn trượt  
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

Trang 2 / 5

<b>VI. Xử lý và bảo quản</b> <b>Handling and storage</b>
<p><b>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh tiếp xúc với mắt. <i>Avoid contact with eyes.</i></li> </ul> <p><b>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có lưu ý đặc biệt. <i>No specific caution.</i></li> </ul>
<b>VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân</b> <b>Exposure Controls/Personal Protection</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. <i>Engineering Controls: No specific caution.</i></li> <li>Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. <i>Personal Protection: No safety ware needed.</i></li> </ul>
<b>VIII. Đặc tính lý hóa của sản phẩm</b> <b>Physical and Chemical Properties</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trạng thái: Bột <i>Status: Powder</i></li> <li>Khối lượng riêng đồ đông: 1.2kg/L <i>Specific bulking weight: 1.2kg/L</i></li> <li>pH: 8.0 - 8.5</li> </ul>
<b>IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng</b> <b>Stability and Reactivity</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Khả năng phản ứng: Không phản ứng. <i>Reactivity: Not reaction</i></li> <li>Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. <i>Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</i></li> <li>Tính ổn định hóa học: Ổn định <i>Chemical stability: Stable</i></li> </ul>
<b>X. Thông tin về độc tính</b> <b>Toxicological information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. <i>Inhalation: No effect on respiratory.</i></li> <li>Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. <i>Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</i></li> <li>Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây xót mắt. <i>Eye contact: Contact may cause redness and tearing.</i></li> <li>Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. <i>Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</i></li> </ul>

<b>XI. Thông tin về sinh thái</b> <b>Ecological information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. <i>Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</i></li> <li>Đốt với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. <i>Its vapour is not harmful to ozone layer</i></li> <li>Các tác dụng ngoại ý khác: Chưa biết <i>Other adverse effects: Unknown</i></li> </ul>
<b>XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ</b> <b>Disposal considerations</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. <i>Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</i></li> <li>Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. <i>Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</i></li> </ul>
<b>XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển</b> <b>Transportation information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. <i>Special Provisions for Transport: No specific requirement.</i></li> </ul>
<b>XIV. Thông tin khác</b> <b>Other information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày tháng biên soạn lại phiên: 24/9/2022 <i>Re-edited at: 24/9/2022</i></li> <li>Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học &amp; Kỹ thuật môi trường Trần Minh <i>Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</i></li> </ul>

**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM**  
**TECHNICAL DATA SHEET**  
**BÙN KHOÁNG TẮM TM-MM (MIMUD)**

BHSD / Edition: 03/2022/TME  
Ngày ban hành / Valid: 20/3/2022

- Xuất xứ / Origin**  
Bùn khoáng tắm trị liệu TM-MM (MIMUD) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).  
*Mineral Mud TM-MM (MIMUD) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).*
- Thành phần / Composition**  
Khoáng TM-MM (MIMUD) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan và bùn thiên nhiên.  
*Minerals TM-MM is produced from inorganic minerals and natural mud.*  
Khoáng bùn TM-MM có mùi đất khoáng nhẹ, màu nâu nhạt.  
*TM-MM has slightly earthy mineral smell and light brown color.*

- Công năng / Performance**  
TM-MM dùng cho mục đích tắm thư giãn, trị liệu, ngăn ngừa lão hóa, phục hồi chức năng cơ thể và cân bằng hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.  
*TM-MM is applied for relaxing bathing, therapy, anti-aging, body functions recovery, organ systems balance*  
Khi sử dụng, đổ bột TM-MM vào bồn nước nóng, chờ bột hòa vào nước (hoặc dùng tay khuấy trộn cho nhanh) rồi ngâm tắm.  
*Spread TM-MM to bath tub, wait for the powder to dissolve in water.*

Định lượng Pha TM-MM vào nước theo tỷ lệ khối lượng 2.5 g/L.  
*Dose for bathing: Add TM-MM to tap water by dosage of 2.5 g/L.*

- Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information**  
Bao bì / Packing: Bao vải 500g / fabric bag 500g  
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng / Stored in fresh & dry place  
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem tham khảo thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.  
*Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.*



#### 4.2. Các chỉ tiêu chất lượng

Khi hòa tan hoàn toàn 1 túi MIMUD (500g) vào 200L nước thủy cực, hàm lượng các khoáng nằm trong mức chất lượng như được mô tả trong Bảng dưới đây.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K <sup>+</sup>	mg/L	20-70
2	Na <sup>+</sup>	mg/L	100-300
3	Ca <sup>2+</sup>	mg/L	5-70
4	Mg <sup>2+</sup>	mg/L	5-70
5	Zn <sup>2+</sup>	mg/L	0.5-10
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	10-30
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	0.2-10
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	100-700
9	Cl <sup>-</sup>	mg/L	100-500
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	3-30
11	Bùn lơ lửng	mg/L	1000-2000
12	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
13	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
14	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
15	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

#### 4.3. Phương pháp thử

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
2	Na <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
3	Ca <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn <sup>2+</sup>	TCVN 6193:1996
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	TCVN 6636-1:2000
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	TCVN 6636-1:2000
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E
9	Cl <sup>-</sup>	TCVN 6194:1996
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

### 5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

#### 5.1. Bao gói

- Túi vải chứa bùn khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Túi nilon bọc ngoài túi vải đảm bảo không rách thủng, cháy nhựa dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào túi vải 500g, túi vải chứa trong túi nilon hàn kín.

#### 5.2. Ghi nhãn

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm bùn khoáng ở dạng bột đóng vào túi vải có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khi xuất xứ kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

#### 5.3. Vận chuyển

Sản phẩm được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải có che chắn chống mưa và ẩm ướt.

#### 5.4. Bảo quản

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

#### 5.5. Thời hạn sử dụng

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

#### 6. Hướng dẫn sử dụng

Pha vào nước tắm theo liều lượng 2.5 g/L.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC  
PHẠM TRỊ HUYỀN LY



Tắm bùn khoáng mang lại nhiều lợi ích cho người sử dụng, làm đẹp da và hỗ trợ chữa nhiều loại bệnh hiệu quả. Được rất nhiều tài liệu y học mô tả và khuyên dùng như một liệu pháp quan trọng trong điều trị.





# MINA

## nhận diện sản phẩm

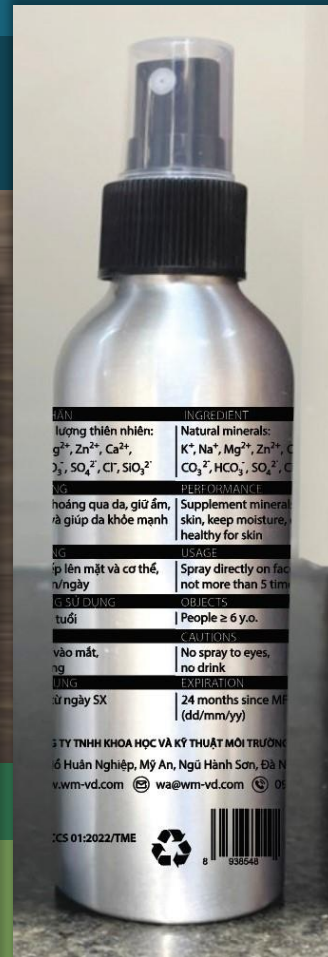


100ml

THÀNH PHẦN	INGREDIENT
Khoáng vi lượng thiên nhiên: K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Mg <sup>2+</sup> , Zn <sup>2+</sup> , Ca <sup>2+</sup> , CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup> , HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> , Cl <sup>-</sup> , SiO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	Natural minerals: K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Mg <sup>2+</sup> , Zn <sup>2+</sup> , Ca <sup>2+</sup> , CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup> , HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> , Cl <sup>-</sup> , SiO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>
CÔNG NĂNG	PERFORMANCE
Bổ sung khoáng qua da, giữ ẩm, làm sạch và giúp da khỏe mạnh	Supplement minerals through skin, keep moisture, clean and healthy for skin
CÁCH DÙNG	USAGE
Xịt trực tiếp lên mặt và cơ thể, tối đa 5 lần/ngày	Spray directly on face and body, not more than 5 times per day
ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	OBJECTS
Người ≥ 6 tuổi	People ≥ 6 y.o.
CHÚ Ý	CAUTIONS
Không xịt vào mắt, không uống	No spray to eyes, no drink
HẠN SỬ DỤNG	EXPIRATION
24 tháng từ ngày SX	24 months since MFG (dd/mm/yy)

NSX: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
 68 Hồ Huân Nghiệp, Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
 www.wm-vd.com wa@wm-vd.com 0973 911 157

TCLL số: TCSS 01:2022/TME





**BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**  
Số: 0122/CB-TME

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 0973 911 157  
Email: wa@wm-vt.com

**CÔNG BỐ:**

Tên tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 01:2022/TME**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: Khoáng xít

- Kiểu, loại, mã số: Sản phẩm dạng lỏng được chứa trong chai nhóm 100mL.
- Nhân hiệu hàng hóa Mã ký hiệu sản phẩm: MINA
- Mã ký hiệu sản phẩm: TM-SM

Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 1 năm 2022  
**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



# MINA KHOÁNG XỊT

Khoáng xít MINA là một sản phẩm dạng dung dịch, chứa các thành phần khoáng vi lượng với tỷ lệ đặc biệt.

MINA không chứa các chất phụ gia công nghiệp, không chứa chất tạo màu, tạo mùi.

MINA mang lại cho người dùng một làn da khỏe mạnh, giúp chống lại các tác nhân gây hại từ môi trường, đồng thời bổ sung khoáng vi lượng cho cơ thể.

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0122/QĐ-TME

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 1 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc Ban hành và công bố tiêu chuẩn áp dụng

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;  
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;  
Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;  
Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở:

**TCCS 01:2022/TME** áp dụng cho sản phẩm Khoáng xít MINA (Mã sản phẩm: TM-SM).

**Điều 2.** Tiêu chuẩn cơ sở nêu trên là căn cứ để cam kết, công bố với khách hàng và các bên liên quan về chất lượng sản phẩm Khoáng xít MINA do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và phân phối.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Lưu công ty.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn


Mã số / Code BN 28702-01	<b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> TEST REPORT	Ngày/ Date: 28/04/2022 Trang/ Page: 01/02
-----------------------------	--	--

Tên mẫu/ Name of Sample: **KHOẢNG XỊT MINA**  
 Ký hiệu mẫu/ Sample mark:  
 Số lượng mẫu/ Quantity: **01**  
 Tình trạng mẫu/ Sample description: **Mẫu chứa trong chai nhựa.**  
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: **20/04/2022**  
 Thời gian thử nghiệm/ Testing period: **20/04/2022 - 28/04/2022**  
 Đơn vị gửi mẫu/ Client: **CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**  
 Địa chỉ/ Address: **68 Hồ Huân Nghiệp, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng**  
 Kết quả thử nghiệm/ Test results: **Xem tiếp trang 02/02**

**TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2**  
Head of Technical Division 2

**ĐẠI DIỆN VIỆN**  
On behalf of the Institute

*(Signature)*  
**LÊ TRỌNG NHÂN**

  
**LÊ THỊ MỘNG TRINH**

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025  
 (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract  
 (†) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned  
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi. Test results are valid for the normally submitted sample (s) only  
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi trong tên của các cột gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
 - Không được trích sao mẫu phân phối kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành 3B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city    Tel: 0236.6562929    Fax: 0236.3637519  
 BM 06/QT 08/PQ/03/01/2022    Lần sửa đổi: 00



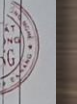
Website: www.deming.vn Email: info@deming.vn

Mã số / Code BN 28702-01	<b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b> TEST REPORT	Ngày/ Date: 28/04/2022 Trang/ Page: 02/02
-----------------------------	--	--

TT No.	Chi tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chi tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test Method	
1.	Hàm lượng K <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6196-3:2000	354
2.	Hàm lượng Na <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6196-3:2000	6390
3.	Hàm lượng Ca <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Ca B	19,6
4.	Hàm lượng Mg <sup>2+</sup>	mg/L	SMEWW 3500-Mg B	8750
5.	Hàm lượng Zn <sup>2+</sup> (*)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,015
6.	Hàm lượng HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	5577
7.	Hàm lượng CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	TCVN 6636-1:2000	2123
8.	Hàm lượng SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (*)	mg/L	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E	6382
9.	Hàm lượng Cl <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	4636
10.	Hàm lượng SiO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/L	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B	79,9
11.	Hàm lượng Pb <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6193:1996	Không phát hiện (< 0,005)
12.	Hàm lượng As <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 6626:2000	Không phát hiện (< 0,001)
13.	Hàm lượng Hg <sup>(+)</sup>	mg/L	TCVN 7877:2008	Không phát hiện (< 0,0005)
14.	Độ kích ứng da	-	ISO 10993-10:2010	Không đáng kể

(\*) Phương pháp thử được công nhận ISO/IEC 17025 / Test Methods are accredited to ISO/IEC 17025  
 (\*\*) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Tested by Subcontract  
 (†) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned  
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi. Test results are valid for the normally submitted sample (s) only  
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của cột gửi mẫu/ Name of sample and customer are written as customer's request.  
 - Không được trích sao mẫu phân phối kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Address: Lot 21-22, B1.6, KDC Quang Thành 3B, Hòa Khánh Bắc ward, Liên Chiểu district, Đà Nẵng city    Tel: 0236.6562929    Fax: 0236.3637519  
 BM 06/QT 08/PQ/03/01/2022    Lần sửa đổi: 00





CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH  
TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.

**PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM KHOÁNG XỊT**  
**MATERIAL SAFETY DATA SHEET FOR ARTIFICIAL MINERALS**

**I. Nhận biết sản phẩm và thông tin nhà sản xuất**

**Product and Company Identification**

**1. Nhận dạng sản phẩm / Product Identification**

Tên sản phẩm : Khoáng xịt MINA  
Product name : Spraying minerals MINA  
Mã sản phẩm : TM-SM  
Product code : TM-SM  
Mục đích sử dụng : TM-SM (MINA) dùng để xịt vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...  
Product use : TM-SM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy, ...

**2. Thông tin công ty / Company information**

Tên công ty : Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh  
Company name : Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME)  
Địa chỉ : 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
Address : 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City  
Website : www.wm-vd.com  
Email : wa@wm-vd.com  
Hotline : 0973 911 157

**II. Thông tin về thành phần các chất**  
**Ingredients**

THÀNH PHẦN INGREDIENT		Hàm lượng (mg/L) Content (mg/L)
Ký hiệu Symbol	Tên Name	
K <sup>+</sup>	Potassium	400-600
Na <sup>+</sup>	Sodium	2000-6000
Ca <sup>2+</sup>	Calcium	100-1400
Mg <sup>2+</sup>	Magnesium	100-1400
Zn <sup>2+</sup>	Zinc	10-200
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Bicarbonate	200-600
CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	Carbonate	4-200
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	Sulphate	2000-14000
Cl <sup>-</sup>	Chloride	2000-10000
SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	Metasilicate	60-600

Khoáng xịt TM-SM (MINA) màu trắng đục, mùi khoáng nhẹ.  
TM-SM (MINA) has opaque white color and slightly mineral smell.

**III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của sản phẩm**

**Hazards Identification**

**1. Cảnh báo nguy hiểm / Warning**

- Tránh xa tầm tay trẻ em  
Keep out of reach of children
- Khi bị khoáng dính vào mắt thì rửa lại bằng nước  
Wash with water when contacting with mineral

**2. Các đường tiếp xúc và triệu chứng / Routes of exposure and symptoms**

- Đường mắt : Không gây kích ứng mắt  
Eye contact : No eye irritation
- Đường da : Không gây kích ứng da  
Skin contact : No skin irritation
- Đường tiêu hóa : Không được uống  
Ingestion : No swallow
- Đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương : Không ảnh hưởng đến mũi, đường hô hấp, hệ thần kinh trung ương  
Inhalation, central nervous system : No effect on nasal and respiratory and central nervous system.

**IV. Biện pháp sơ cứu**

**First aid measures**

- Đường mắt : Rửa với nước sạch tối thiểu 1 phút. Đưa đến trung tâm y tế nếu thấy xôn mắt.  
Eyes : Flush with clean water for at least 1 minutes. Seek medical attention if eye irritation persists.
- Đường da : Không ảnh hưởng đến da.  
Skin : No bad effect on skin.
- Đường tiêu hóa : Cho bệnh nhân uống 01 - 02 ly nước rồi chuyển họ đến trung tâm y tế.  
Ingestion : Give 01 or 02 glasses of water and seek medical attention.
- Đường hô hấp : Không ảnh hưởng đến đường hô hấp.  
Inhalation : No effect on respiratory.
- Đồ bảo hộ : Không cần dùng đồ bảo hộ.  
Protective clothing : No safety ware needed.

**V. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**

**Accidental release measures**

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Lau khô để tránh trơn trượt  
Small spill: Clean up to prevent from slip.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Không để người đi qua lại dễ trơn trượt  
Large spill: Avoid people surrounding and clean up to prevent from slip.

<b>VI. Xử lý và bảo quản</b> <b>Handling and storage</b>
<p><b>1. Thận trọng trong việc bảo quản / Precautions for Safe Handling</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh tiếp xúc với mắt. Avoid contact with eyes.</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện lưu trữ an toàn / Conditions for Safe Storage</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có lưu ý đặc biệt. No specific caution.</li> </ul>
<b>VII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân</b> <b>Exposure Controls/Personal Protection</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm soát kỹ thuật: Không có lưu ý đặc biệt. Engineering Controls: No specific caution.</li> <li>Bảo vệ cá nhân: Không cần các biện pháp bảo vệ cá nhân. Personal Protection: No safety ware needed.</li> </ul>
<b>VIII. Đặc tính lý, hóa của sản phẩm</b> <b>Physical and Chemical Properties</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trạng thái: Lỏng Status: Liquid</li> <li>Khối lượng riêng: 1.17 kg/L Density: 1.17 kg/L</li> <li>pH: 8.5 - 9.0</li> </ul>
<b>IX. Độ ổn định và khả năng hoạt động của khoáng</b> <b>Stability and Reactivity</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Khả năng phản ứng: Không phản ứng. Reactivity: Not reaction</li> <li>Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm. Possibility of hazardous reactions: Inability to hazardous reactions</li> <li>Tính ổn định hóa học: Ổn định Chemical stability: Stable</li> </ul>
<b>X. Thông tin về độc tính</b> <b>Toxicological Information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp xúc qua đường hô hấp: Không ảnh hưởng đến hệ hô hấp, không ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Inhalation: No effect on respiratory.</li> <li>Tiếp xúc qua da: Dung dịch không ảnh hưởng đến da. Skin contact: The solution can cause neither skin burn nor irritation.</li> <li>Tiếp xúc qua mắt: Tiếp xúc có thể gây kích mắt. Eye contact: Contact may cause redness and tearing.</li> <li>Tiếp xúc qua đường tiêu hóa: Nuốt có thể gây buồn nôn, nôn mửa. Ingestion: Swallowing may cause nausea, vomiting.</li> </ul>

Trang 3 / 5

<b>XI. Thông tin về sinh thái</b> <b>Ecological information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Độc tính với hệ sinh thái: Không ảnh hưởng đến hệ sinh thái. Ecotoxicity: No specific aquatic toxicity data is currently available.</li> <li>Độc với tầng ozone: Không làm tổn hại đến tầng ozone. Its vapour is not harmful to ozone layer</li> <li>Các tác dụng ngoài ý khác: Chưa biết Other adverse effects: Unknown</li> </ul>
<b>XII. Yêu cầu trong việc thải bỏ</b> <b>Disposal considerations</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Xử lý chất thải: Chất thải phải được xử lý theo các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương. Waste disposal: Waste must be disposed of in accordance with federal, state and local environmental control regulations.</li> <li>Có thể thải vào hệ thống xử lý nước thải hoặc thải bỏ thẳng ra cống với số lượng ít. Discharge into wastewater treatment plant or directly to sewerage with small amount.</li> </ul>
<b>XIII. Yêu cầu trong việc vận chuyển</b> <b>Transportation information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Yêu cầu đặc biệt cho việc vận chuyển: Không có yêu cầu đặc biệt. Special Provisions for Transport: No specific requirement.</li> </ul>
<b>XIV. Thông tin khác</b> <b>Other information</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày tháng biên soạn lại phiếu: 24/9/2022 Re-edited at: 24/9/2022</li> <li>Soạn thảo lại bởi: Công ty TNHH Khoa học &amp; Kỹ thuật môi trường Trần Minh Re-edited by: Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).</li> </ul>

Trang 4 / 5

**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM**  
**TECHNICAL DATA SHEET**  
**KHOÁNG XIT TM-SM (MINA)**

 BHSD / Edition: 04/2021/TME  
 Ngày ban hành / Valid: 20/4/2021

**1. Xuất xứ / Origin**  
Khoáng xit TM-SM (MINA) được nghiên cứu và sản xuất bởi công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh (TME).  
Minerals TM-SM (MINA) has been researched and produced by Tran Minh Environmental Science and Engineering Company Limited (TME).

**2. Thành phần / Composition**  
Khoáng TM-SM (MINA) được sản xuất từ các chất khoáng vô cơ có thể hòa tan.  
Minerals TM-SM is produced from inorganic minerals.  
Khoáng xit TM-SM có mùi khoáng nhẹ, không màu.  
TM-IM has slightly mineral smell and no color.

**3. Công năng / Performance**  
TM-SM (MINA) dùng để xịt vào mặt và cơ thể, giúp bổ sung khoáng qua đường da, ngăn ngừa lão hóa da, giữ ẩm, làm sạch, và giúp da khỏe mạnh...  
TM-IM (MINA) is applied for face and body, supplementing mineral through skin preventing from aging, maintaining moisture, cleaning, and keep skin healthy...  
Khi sử dụng, xịt MINA vào mặt hoặc trên cơ thể.  
Spread MINA on face or body.

Định lượng: Không có định lượng.  
Dose for application: No dosage required.

**4. Thông tin đóng gói, bảo quản/ Packing and storage information**  
Bao bì / Packing: Chai nhôm 100mL / Aluminium bottle 100mL  
Bảo quản / Storage: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp / Stored in fresh & dry place, avoid direct sunlight  
Hạn sử dụng / Expiry: 24 tháng kể từ ngày sản xuất / 24 months since manufacturing

Vui lòng xem thêm khoáng thêm tài liệu hướng dẫn an toàn (MSDS) để biết thêm thông tin lưu kho, bảo quản và sử dụng sản phẩm an toàn và hiệu quả.  
Before using this product please consult our Material Safety Data Sheet (MSDS) for information on safe handling and storage.

Trang 5 / 5

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH**

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng  
DT: 0973911157; Web: www.wm-vd.com; Email: wa@wm-vd.com



## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2022/TME

TÊN SẢN PHẨM  
**KHOÁNG XỊT**

NHÃN HIỆU SẢN PHẨM  
**MINA**

MÃ SẢN PHẨM  
**TM-SM**

Đà Nẵng, tháng 1 năm 2022



### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Khoáng xít do Công ty TNHH Khoa học và Kỹ thuật Môi trường Trần Minh sản xuất và kinh doanh.

Địa chỉ công ty: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

### 2. Tài liệu/Tiêu chuẩn tham khảo

- [1] Kamioka H, Mori Y, Nagata K, Iwanaga S, Uzura M, Yamaguchi S. Relationship of daily hot water bathing at home and hot water spa bathing with underlying diseases in middle-aged and elderly ambulatory patients: A Japanese multicenter cross-sectional study. *Complementary Therapies in Medicine*. 2019;43:232-9.
- [2] Shani J, Barak S, Levi D, Ram M, Schachner ER, Schlesinger T, Robberecht H, Van Grieken R, Avrach WW. Skin penetration of minerals in psoriatics and guinea-pigs bathing in hypertonic salt solutions. *Pharmacological Research Communications*. 1985;17:501-12.
- [3] Sukenik S, Flusser D, Abu-Shakra M. THE ROLE OF SPA THERAPY IN VARIOUS RHEUMATIC DISEASES. *Rheumatic Disease Clinics of North America*. 1999;25:883-97.
- [4] Lund JW. Balneological use of thermal and mineral waters in the U.S.A. *Geothermics*. 1996;25:103-47.
- [5] Vaidya B, Nakarmi S. A Qualitative Study of Patients' Beliefs and Perception on Medicinal Properties of Natural Hot Spring Bath for Musculoskeletal Problems. *Journal of environmental and public health*. 2020;2020:3694627. Epub 2020/07/23.
- [6] Sas S, Kaya DO, Celenay ST. Comparison of Blood Pressure and Pulse Adaptations Between Younger and Older Patients During Balneotherapy With Physiotherapy. *Journal of Chiropractic Medicine*. 2022;21:197-203.
- [7] Verhagen AP, Cardoso JR, Bierra-Zeinstra SMA. Aquatic exercise & balneotherapy in musculoskeletal conditions. *Best Practice & Research Clinical Rheumatology*. 2012;26:335-43.
- [8] Herisson C, Tavares I, Thomas E, Françon A, Forestier R, Roques CF. Balneotherapy for rheumatic conditions – evidence based recommendations. *Annals of Physical and Rehabilitation Medicine*. 2014;4:57.e160.
- [9] Rapolienė L, Razbadauskas A, Mockevičienė D, Varžaitytė L, Skarbalienė A. Balneotherapy for musculoskeletal pain: does the mineral content matter? *International journal of biometeorology*. 2020;64:965-79. Epub 2019/10/13.
- [10] Morer C, Roques CF, Françon A, Forestier R, Maraver F. The role of mineral elements and other chemical compounds used in balneology: data from double-blind randomized clinical trials. *International journal of biometeorology*. 2017;61:2159-73. Epub 2017/08/30.
- [11] Thông tư 52/2014/TT-BTNMT, ngày 09/9/2014 về quy định phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

### 3. Nguyên vật liệu

Là các thành phần khoáng vô cơ, được tổng hợp và phân tách từ các mỏ tự nhiên.

### 4. Yêu cầu kỹ thuật

#### 4.1. Yêu cầu về ngoại quan

- Trạng thái: Lóng đồng nhất.
- Màu sắc, mùi vị: Không màu, mùi đá khoáng nhẹ.

**4.2. Các chỉ tiêu chất lượng**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng
1	K <sup>+</sup>	mg/L	400-1400
2	Na <sup>+</sup>	mg/L	2000-6000
3	Ca <sup>2+</sup>	mg/L	100-1400
4	Mg <sup>2+</sup>	mg/L	100-1400
5	Zn <sup>2+</sup>	mg/L	10-200
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	200-600
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	4-200
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	2000-14000
9	Cl <sup>-</sup>	mg/L	2000-10000
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	60-600
11	Pb (Chì)	mg/L	Không phát hiện
12	As (Asen)	mg/L	Không phát hiện
13	Hg (Thủy ngân)	mg/L	Không phát hiện
14	Độ kích ứng da	-	Không đáng kể

**4.3. Phương pháp thử**

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	K <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
2	Na <sup>+</sup>	TCVN 6196-3:2000
3	Ca <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Ca B
4	Mg <sup>2+</sup>	SMEWW 3500-Mg B
5	Zn <sup>2+</sup>	TCVN 6193:1996
6	HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	TCVN 6636-1:2000
7	CO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>	TCVN 6636-1:2000
8	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E
9	Cl <sup>-</sup>	TCVN 6194:1996
10	SiO <sub>2</sub> <sup>2-</sup>	SMEWW 4500-SiO <sub>2</sub> B
11	Pb (Chì)	TCVN 6193:1996
12	As (Asen)	TCVN 6626:2000
13	Hg (Thủy ngân)	TCVN 7877:2008
14	Độ kích ứng da	ISO 10993-10:2010

**5. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản****5.1. Bao gói**

- Chai nhôm chứa dung dịch khoáng đảm bảo không rách thủng khi vận chuyển và bảo quản. Chai không được mở nắp dưới trời nắng.
- Sản phẩm được đóng vào chai nhôm 100mL.

**5.2. Ghi nhãn**

Nội dung ghi nhãn theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước. Sản phẩm khoáng xịt ở dạng lỏng đóng vào chai nhôm có tài liệu chất lượng kèm theo với nội dung:

- Tên sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở này;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;

- Khối lượng tịnh;
- Tháng, năm sản xuất;
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp đặt hàng sản xuất (nếu khách hàng yêu cầu);
- Khí xuất xưởng kèm theo phiếu giao hàng, phiếu an toàn vật liệu và hướng dẫn sử dụng.

**5.3. Vận chuyển**

Sản phẩm khi được vận chuyển không bị vật nặng đè lên và bằng các phương tiện vận tải có che chắn che ánh sáng mặt trời trực tiếp.

**5.4. Bảo quản**

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.

**5.5. Thời hạn sử dụng**

Thời hạn sử dụng là 24 tháng.

**6. Hướng dẫn sử dụng**

Xịt thẳng vào mặt, cơ thể, không xịt vào mắt.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

GIÁM ĐỐC  
PHẠM TRỊ HUYỀN LỸ



### MINA được khuyến khích dùng 3-5 lần/ngày

Khoáng xịt MINA là một sản phẩm chăm sóc da bằng những khoáng chất cần thiết, giúp duy trì độ ẩm, nuôi dưỡng làn da. MINA được sử dụng bằng cách phun sương, các khoáng chất hữu ích trong những hạt nước siêu mịn sẽ nhanh chóng ngấm vào da qua lỗ chân lông.

### Cách sử dụng chai xịt khoáng

Giữ chai xịt khoáng song song với khuôn mặt hoặc vùng da cần xịt, với khoảng cách 20-30 cm:

1- Nhấn và giữ nút xịt.

2- Di chuyển chai xịt khoáng xoay quanh khuôn mặt và vùng cổ hoặc cánh tay, để dung dịch khoáng phun sương bao phủ vùng được xịt.

3- Dùng tay vỗ nhẹ lên vùng da đã xịt để dung dịch thấm vào lỗ chân lông nhiều và nhanh.



### 1- Cấp ẩm tức thì và hiệu quả nhanh cho da

Xịt khoáng dưỡng ẩm, cấp nước cho làn da, giúp da luôn duy trì được độ ẩm cần thiết. Làn da vì thế tránh được tình trạng tiết dầu do mất nước, mềm mại, tươi tắn cả ngày dù làm việc trong môi trường máy lạnh hay ngoài trời.

### 2- Xịt khoáng làm dịu da

Khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời trong nhiều giờ đồng hồ, làn da sẽ trở nên mất nước, khô và bỏng rát. Khi đó, xịt khoáng dưỡng da và làm dịu da, giúp bạn trở nên dễ chịu hơn. Vì vậy, đây là sản phẩm không thể thiếu trong các chuyến du lịch hay picnic ngoài trời.

### 3- Bảo vệ da khỏi các tác nhân bên ngoài

Các khoáng chất có trong khoáng xịt MINA giúp chống nắng và tạo lớp bảo vệ da khỏi những tác nhân từ môi trường: khói, bụi... Nhờ đó, làn da tránh được những tác động tiêu cực từ bên ngoài, khỏe đẹp và tươi tắn hơn.

### 4- Làm sạch da tạm thời

Trong một số trường hợp, khi bạn muốn làm sạch da mặt nhưng không có điều kiện sử dụng sữa rửa mặt hay nước tẩy trang, khoáng xịt MINA sẽ giúp bạn làm sạch da tạm thời. Chỉ cần xịt MINA lên mặt rồi dùng bông tẩy trang hay khăn giấy mềm lau lại mặt cho thật sạch.

### 5- Chăm sóc tóc

Ngoài các công dụng trên, MINA còn chăm sóc và bảo vệ tóc. Bất cứ khi nào mái tóc của bạn có biểu hiện khô rối, hư tổn, hãy phun MINA lên mái tóc, tóc bạn sẽ được cung cấp đủ dưỡng chất, độ ẩm và trở nên mềm mại, mượt mà hơn rõ rệt.

## Công dụng của khoáng xịt MINA

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH (TME)**

**TRAN MINH ENVIRONMENTAL SCIENCE AND ENGINEERING CO. LTD.**

Địa chỉ: 68 Hồ Huân Nghiệp, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng / Add: 68 Ho Huan Nghiep St., My An Ward, Ngu Hanh Son Dist, Da Nang city  
website: www.wm-vd.com Email: wa@wm-vd.com Hotline: 0973 911 157



**CHỨNG NHẬN NHÀ PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN**  
**EXCLUSIVE DISTRIBUTOR CERTIFICATE**  
**CÔNG TY KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG TRẦN – ĐÔNG A**



Địa chỉ: Số 156, đường Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  
Add: 156 Le Dinh Ly Str. – Vinh Trung Ward – Thanh Khe Dist. – Da Nang city, Vietnam  
Website: dongagreen.com.vn - Email: info@dongagreen.com.vn - Hotline: 0932 655 622

Là nhà phân phối độc quyền của TME cho các sản phẩm:

1. Khoáng xịt MINA
2. Khoáng tắm MIBA
3. Bùn khoáng tắm MIMUD

Is the exclusive distributor of TME for following products:

1. Spraying Minerals MINA
2. Bath Minerals MIBA
3. Minerals Mud MIMUD

Certificate No: 29.11.22/TME-TDA



thông tin liên hệ



**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC & KỸ THUẬT  
MÔI TRƯỜNG TRẦN MINH (TME)**

Địa chỉ: Số 68 - Hồ Huân Nghiệp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng  
Hotline: 0973 911 157 Website: [www.wm-vd.com](http://www.wm-vd.com)